

Số: 1145 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 152 /TTr-SNNPTNT ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ



giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nhp*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.



**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Signature]
Nguyễn Thanh Nhàn



DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/ UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1145 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**PHẦN I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
I. Lĩnh vực Thủy sản (19 TTHC)		
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	
4	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	
5	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	
6	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	
7	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
8	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	
9	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	
10	Công bố mở cảng cá loại 2	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
11	Xóa đăng ký tàu cá	
12	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	
13	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
14	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	
15	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	
16	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (06 TTHC)	
1	Hỗ trợ dự án liên kết	
2	Công nhận làng nghề	
3	Công nhận nghề truyền thống	
4	Công nhận làng nghề truyền thống	
5	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	
6	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	
III	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)	
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	
IV	Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật (08 TTHC)	
1	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
2	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	
3	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
6	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
V	Lĩnh vực Lâm nghiệp (17 TTHC)	
1	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	
3	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	
4	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	
5	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh).	
6	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	
7	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	
8	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	
9	Xác nhận bảng kê lâm sản	
10	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	
11	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	
12	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	
13	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	
14	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
15	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
16	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	
17	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường	
VI	Lĩnh vực Thủy lợi (19 TTHC)	

11/10/2018

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
5	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
6	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
8	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	
9	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	
10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
11	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	
12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
13	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
15	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
17	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
18	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
19	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	
VII	Lĩnh vực Chăn nuôi (04 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
VIII	Lĩnh vực Thú y (13 TTHC)	
1	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y	
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng	



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
	chỉ hành nghề thú y)	
3	Cấp chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
5	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	
7	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	
8	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	
10	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
11	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	
12	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	
13	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	
IX	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (04 TTHC)	
1	Cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	
2	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	
X	Lĩnh vực Phòng, Chống thiên tai (03 TTHC)	
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	
XI	Lĩnh vực Nông nghiệp (03 TTHC)	
1	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
XII	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp (01 TTHC)	
1	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	
XIII	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (01 TTHC)	
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa, sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực Thủy sản (07 TTHC)	
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
3	Công bố mở cảng cá loại 3	
4	Xóa đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	
5	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét).	
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	
7	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (01 TTHC)	
1	Hỗ trợ dự án liên kết	
III	Lĩnh vực Thủy lợi (05 TTHC)	
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
	hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	
5	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)	
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
V	Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TTHC)	
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	
2	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ		
I	Lĩnh vực Thủy lợi (03 TTHC)	
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
3	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
II	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (05 TTHC)	
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	
4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
III	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)	
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
V	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (01 TTHC)	
1	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	

